TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:30/2018/HNGĐ - ST
Ngày 28/12/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH H

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang L
- Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Minh Đ.
2/ Ông Đào Đức T.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q – Cán bộ Tòa án.
Đại diện VKSND TP.H: Bà Trần Thị Y – Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 28/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 113/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXX ngày 31/10/2018 và quyết định hoãn phiên Tòa số 15/2018 ngày 19/12/2018,giữa các đương sự:

***/- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1969;
HKTT: Số nhà 10, đường M, phường H, TP H.
- Có mặt tại phiên tòa.

***/ - Bị đơn:** Chị Trần Thị Thúy K (Tức Trần Thị K), sinh năm 1976;
HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh H.
- Vắng mặt tại phiên tòa.

Tất cả đều trú tại: Số nhà 387, đường M, phường Q, TP H, tỉnh H.

***/ - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

1. Cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 19/8/1999 - Vắng mặt tại phiên Tòa.
HKTT: Số nhà 10, đường M, phường H, TP H.

2. Cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/02/2006 - Vắng mặt tại phiên Tòa.
HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh H.
Hiện trú tại: Số nhà 387, đường M, TP H, tỉnh H.

Người giám hộ cho cháu H: Anh Q và chị K là bố mẹ đẻ cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q và lời trình bày của chị Trần Thị Thúy K (Trần Thị K) cùng các đương sự khác thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Anh Nguyễn Văn Q kết hôn với chị Trần Thị Thúy K trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H vào ngày 22/9/1998 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn xong vợ chồng về sống chung cùng với gia đình nhà chồng ở ngõ 51, số nhà 10, đường M, phường H, thành phố H, tỉnh H. Đến năm 2012 vợ chồng mua nhà ra ở riêng. Quá trình đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

- Theo anh Q trình bầy: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do làm ăn kinh tế vợ chồng làm được bao nhiêu tiền thì chị K đều quản lý hết và chi tiêu không tính toán dẫn đến không có tiền để làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến anh Q có chửi chị K. Ngoài ra chị K còn nói cháu Nguyễn Quang L không phải là con anh Q và chị K, còn xui cháu L chửi anh Q rất nhiều lần. Không những thế chị K còn vu cho anh Là có quan hệ trai gái nhưng thực ra anh không có quan hệ với ai cả. Từ những nguyên nhân trên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau rất căng thẳng. Do mâu thuẫn không thể chịu đựng được, nên vào khoảng tháng 10/2017 anh đã về nhà mẹ đẻ ở số 10, đường M, phường H, TP H sống ly thân với chị K từ đó cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay anh xác định không còn tình cảm và không thể chung sống được với chị K nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

- Theo chị K trình bầy: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Q chơi bời, cụ thể là đánh số lô, số đề làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, ngoài ra còn nghe nói anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác, sống không chung thủy với chị, không quan tâm gì đến gia đình và vợ con. Chị có tham gia góp ý thì anh Q chửi chị rất thậm tệ. Đầu năm 2018 anh Q tự dưng mang quần áo đi khỏi nhà, chị không biết đi đâu, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng chị hai bên gia đình không ai biết, vợ chồng chị cũng chưa khi nào làm đơn đề nghị chính quyền địa phương nơi cư trú giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Nay anh Q xin ly hôn, chị không nhất trí ly hôn, vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và tương lai của các cháu.

- Về con chung: Anh Q và chị K khẳng định là có vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 19/8/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/02/2006. Hiện tại cháu Nguyễn Quang L đã trưởng thành đủ 18 tuổi hiện đang học đại học Thủy Lợi tại Hà Nội, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Văn H hiện đang ở cùng với chị K. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì quan điểm của chị K xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Cháu H xin được tiếp tục ở với chị K.Quan điểm của anh Q nhất trí để chị K tiếp tục nuôi cháu H và anh sẽ đóng góp nuôi cháu H cho chị K mỗi tháng là 1.000.000đ/1tháng tính từ ngày 01/01/2019.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị K khẳng định là vợ chồng anh chị có:

+ **Về Đất**: Thửa số 261, tờ bản đồ số 11, DT 32m^2 (Đo thực tế là 32,2m^2) tại số nhà 387, đường M, phường Q, TP H, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Q, chị K, giá trị thực tế định giá theo giá thị trường là **579.600.000đ**. Đất có các cạnh:

+ Phía Bắc giáp ngõ đi nhà ông C = 8,96m;

+ Phía Nam giáp đất nhà bà T = 9,06m;

+ Phía Đông giáp đường M = 3,57m;

+ Phía Tây giáp đất nhà ông C = 3.58m;

- Tài sản trên đất: Có ngôi nhà 03 tầng trị giá là **418.962.000đ.**

+ Đồ dùng sinh hoạt:

Điều hòa nhiệt độ:

+) 01 chiếc nhãn hiệu Panasonic 9000PTU trị giá là 3.500.000đ

+) 01 điều hòa nhiệt độ Puniki 9000PTU trị giá là 3.000.000đ

+) Bộ bàn ghế gỗ Soan trị giá 18.000.000đ.

+) Kệ gỗ Soan trị giá 5.000.000đ.

+) 01 ti vi Sony trị giá là 6.000.000đ.

Tổng giá trị đồ dùng sinh hoạt là **35.500.000đ**.

Ngoài ra các đồ dùng sinh hoạt khác anh Q và chị K không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá.

Quan điểm của anh Q đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản trên cho 02 người anh lấy bằng tiền. Quan điểm của chị K là nhà và đất vợ chồng không chia mà để lại cho các cháu làm chỗ ở. Nếu anh Q không nhất trí thì chị xin lấy bằng hiện vật, chị sẽ trả tiền mặt cho anh Q.

- Về tiền mặt: Anh Q trình bầy vợ chồng còn 01 sổ tiết kiệm 520.000.000đ mang tên chị K hiện không biết chị K đã rút chưa. Anh Q đề nghị điều tra xác minh và chia số tiền này cho 02 anh chị. Anh khẳng định năm 2015 vợ anh là K mang tiền sang nhà cô H hiện đang làm tại chi nhánh ngân hàng nông nghiệp TP H bây giờ tại số 02 đường P nhờ gửi tiết kiệm. Về chị K có nói với anh là cô H sẽ dẫn chị K đi gửi tại Ngân hàng chỗ cô H làm. Khi chị K gửi tiền mang sổ tiết kiệm về nói với anh, thì anh thấy chỉ có tên chị K thì anh nói tại sao không có tên anh trong sổ, thì chị K nói đi gửi về thì cũng nói với anh rồi còn gì nữa. Đến năm 2017 anh với chị K cãi nhau thì anh mới hỏi chị K thì chị K có đưa anh 03 quyển sổ tiết kiệm, thì anh cầm và mang gửi chị gái anh là chị Nguyễn Thị M cầm hộ. Anh gửi vào buổi tối thì đến 09 giờ tối thì chị M anh lại mang vào đưa trả cho chị K. Khi anh hết tiền thì anh làm ầm lên nói là đưa tao để tao đi rút tiền thì chị K có đưa cho con trai anh là Nguyễn Quang L một sổ tiết kiệm trị giá 100.000.000đ để anh và cháu L cùng đến chi nhánh ngân hàng TP H chỗ cô H để rút tiền. Khi đến thì không rút được với lý do là nhân viên ngân hàng nói chữ cô H thì cô H sẽ lấy tiền hộ (Sổ này mang tên anh). Sau đó cô H đã rút tiền hộ anh và mang tiền về đưa cho con trai anh là L. Còn 01 sổ nữa là 100.000.000đ chị K rút đưa con trai anh là L

để đưa cho anh để trả tiền mua lợn. Còn một sổ tiết kiệm nữa là 520.000.000đồng mang tên chị K, còn đã rút hay chưa anh không biết. Anh Q đề nghị Tòa án điều tra xác minh giúp.

- Chị K khẳng định là không có số tiền 520.000.000đ gửi tiết kiệm mang tên chị như anh Q trình bầy. Về số tiền 200.000.000đ mang tên anh Q và đã rút về anh Q cầm để mua hàng bán, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp 03: Anh Q và chị K đều khẳng định là không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bầy:

- Cháu Nguyễn Quang L trình bầy: Cháu là con bố Q, mẹ K, hiện cháu đang học đại học Thủy Lợi năm thứ hai. Quá trình sống cùng bố mẹ, cháu được biết khoản 3 – 4 năm trở lại đây thấy bố mẹ cháu hay cãi nhau về vấn đề làm ăn. Đầu năm 2018 thì bố cháu là Q bỏ đi không hề quan tâm gì đến mẹ con cháu nữa. Nay bố cháu xin ly hôn mẹ cháu thì cháu chỉ mong bố mẹ cháu về đoàn tụ với nhau. Nếu trường hợp bố mẹ cháu ly hôn nhau thì sẽ ở với mẹ cháu vì cháu đã trưởng thành và có thể tự lo cho bản thân được rồi. Bố mẹ cháu có một mảnh đất và một ngôi nhà. Bác M là chị gái bố cháu có đưa cho cháu 02 sổ tiết kiệm 200.000.000đ. Cháu và bố cháu đã rút để trả tiền hàng và làm ăn, còn sổ 520.000.000đ cháu không biết ở đâu.

- Cháu Nguyễn Quang H trình bầy: Cháu là con bố Q, mẹ K, hiện cháu đang học lớp 7, trường THCS L, TP H. Quá trình sống cùng bố mẹ, cháu được biết cách đây hơn 1 năm, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau nhưng cháu không biết về chuyện gì. Cháu chỉ thấy cứ đi đâu về là bố cháu lại chửi mẹ cháu. Đầu năm 2018 thì bố cháu là Q bỏ đi không hề quan tâm gì đến mẹ con cháu nữa. Nếu bố, mẹ cháu ly hôn nhau thì cháu xin ở với mẹ cháu vì mẹ cháu quan tâm và cho cháu ăn học rất chu đáo.

- Người làm chứng chị Nguyễn Thị M trình bầy: Tôi là chị gái anh Q. Anh Q và chị K chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị K không biết kính trên nhường dưới, mọi nguồn thu nhập đều do chị K nắm hết. Khoảng 01 năm nay vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa.

Vợ chồng anh Q, chị K có 01 mảnh đất, trên có ngôi nhà 3 tầng tại số 387 Đ, phường Q, TP H. Và có 03 sổ tiết kiệm trong đó có 02 sổ mỗi sổ 100.000.000đ và 01 sổ 520.000.000đ. Do vợ chồng chửi nhau nên anh Q có cầm 3 sổ này gửi tôi, nhưng tôi đã mang đưa trả cho cháu L cầm. Hiện nay 03 sổ này do ai cầm tôi không nắm được.

- Quá trình xác minh Ông Trần Đức C tổ dân trưởng dân phố cung cấp: Tôi là tổ trưởng dân phố và là hàng xóm sống ngay cạnh nhà anh Q, chị K. Khoảng 02 năm gần đây anh Q và chị K có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, xuất phát từ kinh tế kêu là mất tiên, vàng, chồng đổ cho vợ, vợ đổ cho chồng lấy dẫn đến mất lòng tin của nhau. Cách đây khoảng 01 năm anh Q đã về nhà mẹ đẻ sống ly thân với chị K cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa. Việc mâu thuẫn của anh Q và chị K là rất trầm trọng.

<u>Tại phiên tòa hôm nay</u>:

- Anh Q trình bầy: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị K. Về con chung anh nhất trí để chị K nuôi cháu H theo đúng nguyện vọng của cháu H và của chị K. Anh tự nguyện đóng góp nuôi cháu H cho chị K mỗi tháng là 1.000.000đ/1 tháng, tính từ ngày 01/01/2019 cho tới khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được.

Về tài sản: Anh đề nghị chia đôi tài sản chung của vợ chồng anh, như đã xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, anh sẽ lấy bằng tiền, còn giao cho chị K toàn bộ nhà đất và đồ dùng sinh hoat.

Anh Q xin rút yêu cầu chia 520.000.000đ tiền mà chị K đã gửi tiết kiệm, để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Chị K vắng mặt lần 2 không có lý do.

<u>Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm</u>:

+ Về tuân thủ theo pháp luật: Từ khi thụ lý thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015

Nguyên đơn và bị đơn cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa, lần II không có lý do nên áp dụng điều 227 để xét xử vắng mặt.

+ Về đường lối giải quyết:

- Áp dụng: Các Điều 33, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 64, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 469, Điều 357 và Điều 468 của BLDS; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của BLTTDS; NQ số: 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức án phí, lệ phí Toà án.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ đã đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Q, cho anh Q được ly hôn chị K.

- Về con chung: Giao cháu H cho chị K chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q đóng góp nuôi cháu H cho chị K mỗi tháng là 1.000.000đ/1 tháng cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được.

- Về việc chia tài sản chung: Giao cho chị K toàn bộ nhà đất và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình tổng trị giá là 1.034.620.000đ. Buộc chị K phải trả chênh lệch về tài sản cho anh Q là 517.031.000đ.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 520.000.000đ của anh Q, vì tại phiên Tòa anh Q đã rút yêu cầu này.

- Về án phí: Buộc anh Q và chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên Tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Thúy K(Trần Thị K) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, TP H, tỉnh H vào ngày 22/9/1998. Anh Q có hộ khẩu thường trú tại phường Q, TP H. Chị K có hộ khẩu thường trú tại H, nhưng cư trú và làm ăn cùng với anh Q tại nhà số 387, đường M, phường Q, TP H. Anh Q xin ly hôn, chị K có đơn đề nghị Tòa án thành phố H giải quyết, nên TAND thành phố H thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 – BLTTDS là đúng thẩm quyền.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị K (Trần Thị Thúy K) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, TP H, tỉnh H vào ngày 22/9/1998, hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thỉnh thoảng vẫn xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn xảy ra trầm trọng từ đầu năm 2017. Theo anh Q trình bầy nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do làm ăn kinh tế vợ chồng làm được bao nhiêu tiền thì chị K đều quản lý hết và chi tiêu không tính toán dẫn đến không có tiền để làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến anh Q có chửi chị K. Ngoài ra chị K còn nói cháu Nguyễn Quang L không phải là con anh Q và chị K còn xui cháu L chửi anh Q rất nhiều lần. Không những thế chị K còn vu cho anh là có quan hệ trai gái, nhưng thực ra anh không có quan hệ với ai cả. Từ những nguyên nhân trên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau rất căng thẳng. Do mâu thuẫn không thể chịu đựng được, nên vào khoảng tháng 10/2017 anh đã về nhà mẹ đẻ ở số 10, đường M, phường H, TP H sống ly thân với chị K từ đó cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì đến nhau nữa. Chị K trình bầy: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Q chơi bời, cụ thể là đánh số lô, số đề làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, ngoài ra còn nghe nói anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác, sống không chung thủy với chị, không quan tâm gì đến gia đình và vợ con. Chị có tham gia góp ý thì anh Q chửi chị rất thậm tệ. Đầu năm 2018 anh Q tự dưng mang quần áo đi khỏi nhà, chị không biết đi đâu, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh Q xin ly hôn, chị không nhất trí vì ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và tương lai của các cháu.

HĐXX xét thấy lời trình bầy của anh Q và chị K và lời trình bầy của các con của anh Q, chị K là cháu L và cháu H cùng lời khai của người làm chứng là chị Nguyễn Thị M là chị gái anh Q và cung cấp của tổ dân phố nơi anh Q chị K sinh sống, thì thấy rằng: Mâu thuẫn của vợ chồng thực sự đã trầm trọng đời sống chung không thể tồn tại được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Q và chị K đã ly thân nhau khoảng 02 năm nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa. Do đó cần áp dụng điều 56 – LHN và GĐ giải quyết cho anh Q được ly hôn chị K để giải phóng cho cả hai bên. Chị K không đồng ý ly hôn với anh Q với lý do là để cho các con đỡ khổ là không chính đáng, vì lý do anh chị đã không có tình cảm và không thể chung sống được với nhau,

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng thì chỉ làm ảnh hưởng tâm lý cho các con mà thôi. Do vậy không chấp nhận yêu cầu này của chị K.

[3] Về con chung: Anh Q và chị K khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 19/8/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/02/2006. Hiện tại cháu Nguyễn Quang L đã trưởng thành đủ 18 tuổi hiện đang học đại học Thủy Lợi tại Hà Nội, hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu L cũng không có đề nghị gì, nên hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu Nguyễn Văn H hiện đang ở cùng với chị K. quan điểm của chị K xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Cháu H cũng có nguyện vọng được ở với chị K. Quan điểm của anh Q nhất trí để chị K tiếp tục nuôi cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị K và cháu H là chính đáng vì cháu H đang ở với chị K ổn định được chị K nuôi dạy ăn học chu đáo, nên cần giao cháu H cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K yêu cầu anh Q phải đóng góp nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh Q tại phiên Tòa tự nguyện xin đóng góp nuôi cháu H cho chị K mỗi tháng là 1.000.000đ/1 tháng. HĐXX xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện này của anh Q vì anh Q hiện không có nghề nghiệp, thu nhập thất thường không xác định được mức thu nhập, nên mức tự nguyện đóng góp này của anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu H cho chị K mỗi tháng là 1.000.000đ/1 tháng, cho tới khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được.

Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom chăm sóc cháu H không ai được cản trở.

[4].Về tài sản chung: Căn cứ lời trình bầy của anh Q, chị K và cung cấp của UBND phường Q, TP H, nên đã có cơ sở khẳng định về đất là do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H địa chỉ số 387 Đ, phường Q, TP H, đã được cấp GCNQSDĐ số 837615 ngày 17/2/2012 mang tên anh Q, chị K (Anh Q, chị K trình bầy là đã bị mất giấy CNQSD đất), đây là tài sản chung của vợ chồng anh Q, chị K.

-Về Đất: Thửa số 261, tờ bản đồ số 11, DT 32m^2 (Đo thực tế là 32,2m^2) tại số nhà 387, đường M, phường Q, TP H, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 837615 ngày 17/02/2012, mang tên anh Q, chị K, giá trị thực tế định giá theo giá thị trường là **579.600.000đ**. Đất có các cạnh:

+ Phía Bắc giáp ngõ đi nhà ông C = 8,96m;
+ Phía Nam giáp đất nhà bà T = 9,06m;
+ Phía Đông giáp đường M = 3,57m;
+ Phía Tây giáp đất nhà ông C = 3.58m;

- Nhà: Trên đất có ngôi nhà 3 trị giá là **418.962.000đ.**

- Đồ dùng sinh hoạt:

1. Điều hòa nhiệt độ:

- 01 chiếc nhãn hiệu Panasonic 9000PTU, sau khi trừ khấu hao giá trị còn lại là 3.500.000đ

- 01 điều hòa nhiệt độ Puniki 9000PTU, sau khi trừ khấu hao giá trị còn lại là 3.000.000đ

- Bộ bàn ghế gỗ Soan trị giá 18.000.000đ

- Kệ gỗ Soan trị giá 5.000.000đ.

- 01 ti vi Sony, sau khi tính khấu hao giá trị thực tế còn là 6.000.000đ.

Tổng giá trị đồ dùng sinh hoạt là 35.500.000đ.

Ngoài ra các đồ dùng sinh hoạt khác anh Q và chị K không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá.

Chị K và anh Q đều đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng anh lấy bằng tiền, còn giao cho chị K bằng hiện vật. HĐXX xét thấy quan điểm của anh Q và chị K là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, vì chị K và các con đang ở và có nhu cầu về chỗ ở, nên giao cho chị K toàn bộ đất và nhà cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt như sau:

1. Giao cho chị Trần Thị K diện tích đất 32,2m^2 có các cạnh:

+ Phía Bắc giáp ngõ đi nhà ông C = 8,96m;

+ Phía Nam giáp đất nhà bà T = 9,06m;

+ Phía Đông giáp đường M= 3,57m;

+ Phía Tây giáp đất nhà ông C = 3.58m;

Trị giá mảnh đất là **579.600.000đ**

- Trên đất có ngôi nhà 3 tầng xây năm 2010, trị giá là **418.962.000đ.**

Tổng nhà và đất là**: 998.562.000đ.**

- Đồ dùng sinh hoạt:

1. Điều hòa nhiệt độ:

- 01 chiếc nhãn hiệu Panasonic 9000PTU trị gía là 3.500.000đ

- 01 điều hòa nhiệt độ Puniki 9000PTU trị giá trị là 3.000.000đ

- Bộ bàn ghế gỗ Soan trị giá 18.000.000đ

- Kệ gỗ Soan trị giá 5.000.000đ.

- 01 ti vi Sony trị giá là 6.000.000đ.

+ Tổng giá trị đồ dùng sinh hoạt là **35.500.000đ**.

- Tổng cả nhà và đất cùng đồ dùng sinh hoạt là: **1.034.062.000đ.**

Buộc chị Trần Thị K phải trả chênh lệch cho anh Q 1/2 giá trị tài sản mà chị K được hưởng, cụ thể: 1.034.062.000đ : 2 = 517.031.000đ.

Như vậy anh Q được hưởng tổng trị giá tài sản là 517.031.000đ bằng tiền, chị K được hưởng 517.031.000đ (Bằng hiện vật).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và anh Q, có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu chị K không thi hành trả cho anh Q số tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và điều 468 của bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Đối với số tiền 200.000.000đ như chị K và anh Q khai gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thành phố H, đã rút ra để làm ăn buôn bán, nên cả hai anh chị không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 520.000.000đ mà anh Q khai là khoảng năm 2015 – 2016 gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thành phố H mang tên chị K nhưng không biết chị K đã rút chưa. Tại giai đoạn điều tra xác minh thu thập chứng cứ, anh Q đề nghị Tòa án điều tra xác minh để chia số tiền này.

Tại phiên Tòa anh Q đã xin rút yêu cầu này. Do đó căn cứ vào khoản 2 điều 244 – BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu này của anh Q.

[6]. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị K (Trần Thị Thúy K) đều được hưởng giá trị về tài sản là 517.031.000đ, nên mỗi anh chị phải chịu án phí phần tài sản được hưởng là 517.031.000đ = (500.000.000 phải chịu 20.000.000đ) + (117.031.000đ x 4% = 4.681.240đ) = 24.681.240đ. Anh Q được trừ vào số tiền 12.300.000đ mà anh Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2015/0000148 ngày 07/8/2018 của chi cục thi hành án dân sự TP H, còn lại buộc anh Q phải nộp tiếp 12.381.240đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Ngoài ra anh Q phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị K có đơn xin miễn giảm án phí vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn, được UBND phường Q xác nhận và đề nghị, nhưng căn cứ vào khoản Điều 13 của nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, thì thấy rằng chị K không thuộc trường hợp là người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có tài sản để nộp án phí Tòa án, do đó không chấp nhận đơn xin miễn giảm án phí cho chị K. Buộc chị K phải chịu án phí chia tài sản là 24.681.240đ.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 273 của BLTTDS năm 2015.

Từ những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

*/ **Áp dụng**: Các Điều 33, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, khoản 2 Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 64, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 469, Điều 357 và Điều 468 của BLDS; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của BLTTDS; NQ số: 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức án phí, lệ phí Toà án.

- Tuyên xử:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh Nguyễn Văn Q và Chị Trần Thị Thúy K (Trần Thị K) được ly hôn nhau.

[2]. **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/02/2006, cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được. Buộc anh Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi cháu H cho chị K mỗi tháng là 1.000.000đ/1 tháng, cho tới khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được, tính từ ngày 01/01/2019.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và chị K có yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh Q chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu H ở trên cho chị K thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và Điều 468 – BLDS, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Đối với cháu Nguyễn Quang L sinh ngày 19/8/1999, hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi đang học đại học, anh Q và chị K cùng cháu L không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản: Giao cho chị Trần Thị Thúy K (Trần Thị K) được hưởng như sau:

1. Đất: Giao cho chị Trần Thị K diện tích đất 32,2m^2 có các cạnh:

+ Phía Bắc giáp ngõ đi nhà ông C = 8,96m;
+ Phía Nam giáp đất nhà bà T = 9,06m;
+ Phía Đông giáp đường M = 3,57m;
+ Phía Tây giáp đất nhà ông C = 3.58m;

Trị giá mảnh đất là **579.600.000đ.**

2. Nhà: Trên đất có ngôi nhà 3 tầng xây năm 2010 trị giá là **418.962.000đ**.

Tổng trị giá cả nhà và đất là: 998.562.000đ.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

3. Đồ dùng sinh hoạt:

* Điều hòa nhiệt độ:

- 01 chiếc nhãn hiệu Panasonic 9000PTU trị giá là 3.500.000đ
- 01 điều hòa nhiệt độ Puniki 9000PTU trị giá là 3.000.000đ
- Bộ bàn ghế gỗ Soan trị giá 18.000.000đ
- Kệ gỗ Soan trị giá 5.000.000đ.
- 01 ti vi Sony trị giá là 6.000.000đ.

Tổng giá trị đồ dùng sinh hoạt là **35.500.000đ**.

- Tổng cả nhà và đất cùng đồ dùng sinh hoạt là: **1.034.062.000đ** (Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

+ Buộc chị Trần Thị K phải trả chênh lệch về tài sản cho anh Nguyễn Văn Q **517.031.000đ** (Năm trăm mười bảy triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và anh Q có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu chị K không thi hành trả cho anh Q số tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo

quy định tại điều 357 và điều 468 của bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

[4]. Đình chỉ không xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia số tiền 520.000.000đ, vì lý do anh Q xin rút tại phiên Tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5].Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Q phải chịu 24.681.240đ, được trừ vào số tiền 12.300.000đ mà anh Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2015/0000148 ngày 07/8/2018 của chi cục thi hành án dân sự TP H, còn lại buộc anh Q phải nộp tiếp 12.381.240đ án phí về chia tài sản và 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Buộc Chị Trần Thị K (Trần Thị Thúy K) phải chịu phải chịu 24.681.240đ tiền án phí về chia tài sản.

[6].Về quyền kháng cáo: □n xử công khai sơ thẩm nguyên đơn anh Q có mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị K vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi cư trú.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND thành phố H.*
- *Chi cục THADS T.P H.*
- *Phòng KTNV & thi hành án,*
- *UBND phường H.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đỗ Quang L